

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 12 năm 2023

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

\* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Anh Dương

\* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Anh Dũng.

2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

\* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

\* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Lệ T** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 195/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi ĐKKTT: **Số nhà A, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.**

Nơi ở hiện nay: **Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy T1**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cư trú: **Số nhà A, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện ngày 10/2/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Hải Y** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Duy T1** kết hôn ngày 26/4/2009, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang**. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh **T1** về chung sống với nhau tại gia đình anh **T1**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **T1** thường xuyên rượu chè, xúc phạm đến bố mẹ chị và không có

trách nhiệm với con cái. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Phương T2, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 15/9/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi 02 con chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm kế toán của Bến xe thị trấn N, lương được hưởng là 5.000.000 đồng/tháng. Chị có nơi ở ổn định và nuôi 02 con ăn học từ trước khi ly thân đến nay.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng chị tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Anh Nguyễn Duy T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 không có mặt để làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh T1 là bị đơn. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy T1 vắng mặt.

\* Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2023, ông Đinh Hữu T4 – Tổ trưởng tổ dân phố T, thị trấn N cho biết: Anh Nguyễn Duy T1 là công dân hiện cư trú tại: Số nhà A, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh T1 kết hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y năm 2009, có đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị Y về gia đình anh T1 làm dâu. Thời gian gần đây thì vợ chồng chị Y, anh T1 phát sinh mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 4/2023 đến nay thì chị Y, anh T1 sống ly thân nhau.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng anh T1 đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 01 Điều 273 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Duy T1.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hải Y nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Phương T2, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 15/9/2016.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hải Y không yêu cầu anh Nguyễn Duy T1 cấp dưỡng cho con chung.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh **Nguyễn Duy T1** nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 147/2023/QĐ-CCTLCC ngày 17/10/2023 về việc yêu cầu anh **T1** cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh **Nguyễn Duy T1** nhưng anh **Nguyễn Duy T1** không có mặt để làm việc với Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Nguyễn Duy T1** xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang**, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **Y**, anh **T1** có thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh **T1** không có trách nhiệm với con cái. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị **Y**, anh **T1** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị **Nguyễn Thị Hải Y** được ly hôn anh **Nguyễn Duy T1** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Nguyễn Duy T1** có 02 con chung là **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 29/10/2009, **Nguyễn Thanh T3**, sinh ngày 15/9/2016. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự và quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Từ lúc ly thân tháng 09/2023 đến nay thì chị **Y** là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Phương T2**, **Nguyễn Thanh T3**. Hiện cả cháu **T2** và cháu **T3** đều đang phát triển bình thường, ổn định và giữa chị **Y**, anh **T1** không có ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Chị **Y** đang làm kế toán, có thu nhập, nơi ở ổn định đảm bảo cuộc sống và đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu **T2** và cháu **T3** và sự phát triển tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng của chị **Y**. Cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của chị **Y** như hiện nay là phù hợp nguyện vọng của cháu **T2** và cháu **T3**. Giao cho chị **Y** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là **Nguyễn**

Phương T2, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 15/9/2016 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu T2 và cháu T3 và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Duy T1 không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nay chị Nguyễn Thị Hải Y rút yêu cầu về việc anh Nguyễn Duy T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Phương T2 và Nguyễn Thanh T3 là 5.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS và mục 7 phần IV Giải đáp số: 01/2017/GĐ – TANDTC ngày 07/4/2017 của TANDTC.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Duy T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

\* Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.  
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Duy T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hải Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Phương T2, sinh ngày 29/10/2009, Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 15/9/2016.

Anh Nguyễn Duy T1 không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hải Y về yêu cầu anh Nguyễn Duy T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Phương T2 và Nguyễn Thanh T3 là 5.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000563 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị Hải Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang,
- VKSND huyện Tân Yên,
- Chi cục THADS Tân Yên,
- UBND thị trấn Nhã Nam,
- Các đương sự,
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**